TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN 7 **THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số: 99/2023/QĐST-HNGĐ	*Quận 7, ngày 23 tháng 02 năm 2023*

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN 7, THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

Căn cứ vào Khoản 4 Điều 397, Điều 212 và Điều 213 của Bộ luật Tố tụng Dân sự;

Căn cứ vào Điều 55, Điều 57, Điều 81, Điều 82, Điều 83, Điều 84 của Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014;

Căn cứ vào Luật Phí và Lệ phí năm 2015;

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Sau khi nghiên cứu hồ sơ việc dân sự thụ lý số 835/2022/TLST-HNGĐ ngày 29 tháng 12 năm 2022 về việc yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn, gồm những người tham gia tố tụng sau đây:

Người yêu cầu giải quyết việc dân sự:

- Bà Lê Thị Thanh T, sinh năm 1999; Địa chỉ: Số 666 ấp T, xã V, huyện N, tỉnh Đ.
- Ông Lê Thành N, sinh năm 1992; Địa chỉ: Số 409 chung cư A, Khu phố B, phường T, Quận B, Thành phố H.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về quan hệ hôn nhân:

Bà Lê Thị Thanh T và ông Lê Thành N qua một thời gian tìm hiểu thì cả hai tự nguyện tiến tới hôn nhân, có tổ chức đám cưới và đăng ký kết hôn vào năm 2019 (Giấy chứng nhận kết hôn số 54, đăng ký ngày 13 tháng 5 năm 2019 tại Uỷ ban nhân dân phường T, Quận B, Thành phố H).

Vợ chồng chung sống được hơn một năm thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn là do cả hai không còn chung quan điểm, nên hay cãi vã, mâu thuẫn. Từ từ mâu thuẫn ngày càng trầm trọng, vợ chồng không có sự chia sẻ, quan tâm, chăm sóc lẫn nhau và không còn tiếng nói chung. Cả hai đã ngồi lại tìm cách giải quyết mâu thuẫn để gia đình hạnh phúc nhưng không có

kết quả. Vợ chồng sống ly thân từ tháng 10 năm 2021 đến nay. Bà T và ông N xác nhận hiện cả hai không còn tình cảm, không thể hòa hợp nhau được nữa, vợ chồng tiếp tục chung sống cũng không mang đến hạnh phúc nên ông và bà yêu cầu Tòa án công nhận thuận tình ly hôn.

[2] Về con chung: Bà Lê Thị Thanh T và ông Lê Thành N có 01 (Một) con chung họ tên: là Lê Kiều T1 (Giới tính: Nữ), sinh ngày 12/6/2019. Sau khi ly hôn bà T, ông N thỏa thuận giao trẻ Lê Kiều T1 cho mẹ là bà Lê Thị Thanh T trực tiếp chăm sóc nuôi dưỡng, ông Lê Thành N không cấp dưỡng nuôi con chung, nên Tòa án ghi nhận.

[3] Về tài sản chung: Bà Lê Thị Thanh T và ông Lê Thành N xác nhận không có, nên Tòa án ghi nhận.

[4] Về nợ chung: Bà Lê Thị Thanh T và ông Lê Thành N xác nhận không có, nên Tòa án ghi nhận.

[5] Về lệ phí: Bà Lê Thị Thanh T và ông Lê Thành N chịu tiền lệ phí dân sự sơ thẩm là 300.000 (Ba trăm nghìn) đồng.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập Biên bản hòa giải đoàn tụ không thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thoả thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận thuận tình ly hôn và sự thoả thuận của các đương sự cụ thể như sau:

1.1. Về hôn nhân: Bà Lê Thị Thanh T và ông Lê Thành N thuận tình ly hôn (Giấy chứng nhận kết hôn số 54, đăng ký ngày 13 tháng 5 năm 2019 tại Uỷ ban nhân dân phường T, Quận B, Thành phố H).

1.2. Về con chung: Bà Lê Thị Thanh T và ông Lê Thành N có 01 (Một) con chung họ tên: là Lê Kiều T1 (Giới tính: Nữ), sinh ngày 12/6/2019.

Sau khi ly hôn bà T, ông N thỏa thuận giao trẻ Lê Kiều T1 cho mẹ là bà Lê Thị Thanh T trực tiếp chăm sóc nuôi dưỡng, ông Lê Thành N không cấp dưỡng nuôi con chung.

Ông Lê Thành N có quyền đi lại thăm nom, chăm sóc và giáo dục con chung, vì quyền lợi của con, khi có yêu cầu của một hoặc hai bên, Tòa án có thể quyết định thay đổi người trực tiếp nuôi con hoặc mức cấp dưỡng nuôi con.

1.3. Về tài sản chung: Bà Lê Thị Thanh T và ông Lê Thành N xác nhận không có.

1.4. Về nợ chung: Bà Lê Thị Thanh T và ông Lê Thành N xác nhận không có.

2. Về lệ phí giải quyết việc dân sự: Bà Lê Thị Thanh T và ông Lê Thành N chịu lệ phí sơ thẩm giải quyết việc dân sự là 300.000 (Ba trăm nghìn) đồng, nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng lệ phí đã nộp là 300.000 (Ba trăm nghìn) đồng theo biên lai thu tiền tạm ứng lệ phí số AA/2021/0015329 ngày 28/12/2022 của Chi cục Thi hành án dân sự Quận 7, Thành phố Hồ Chí Minh. Bà Lê Thị Thanh T và ông Lê Thành N đã nộp đủ lệ phí.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm./.

Nơi nhận:
- Đương sự;
- Viện kiểm sát nhân dân Quận 7, Tp.HCM;
- Chi cục Thi hành án dân sự Quận 7, Tp.HCM;
- Cơ quan đã thực hiện việc đăng ký kết hôn;
- Lưu hồ sơ vụ án (TK.Dung).

THẨM PHÁN

Hà Thị Luyến